

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2025/HSST

Ngày: 25/6/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp.

Ông Hà Ngọc Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/5/2025 và ngày 25/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 21/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HS ngày 17/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/HSST-QĐ ngày 06/5/2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 01/2025/TB-TA ngày 03/6/2025 đối với bị cáo:

Lò Thị Huyền D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994 tại huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn C, sinh năm 1974 và bà Mùi Thị S, sinh năm: 1976; Bị cáo có chồng: Quảng Văn N, sinh năm: 1992 và 02 con lớn 9 tuổi nhỏ 2 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

* **Bị hại:** Phòng bán hàng V thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT S do ông Hà Trọng V- Giám đốc là đại diện. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Đều vắng mặt):**

1. Chị Lò Thị T; Nơi cư trú: Bản S, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Chị Lò Thị H; Nơi cư trú: Bản S, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

3. Anh Lò Văn H; Nơi cư trú: Bản S, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

4. Anh Lường Văn T; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
5. Chị Trần Thị P; Nơi cư trú: Bản S, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
6. Chị Quàng Thị H; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
7. Anh Quàng Văn K1; Nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
8. Anh Quàng Văn Đ1; Nơi cư trú: Bản P, Xã T, huyện Thuận Châu, Sơn La
9. Anh Lường Văn T1; Nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện Thuận Châu, Sơn La
10. Chị Vũ Thị H; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
11. Anh Phùng Minh T; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
12. Anh Quàng Văn S1; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
13. Anh Lò Văn H1; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
14. Anh Lường Văn H1; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
15. Anh Lò Văn H1; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
16. Anh Lò Văn D1; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
17. Anh Quàng Văn H2; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
18. Anh Lò Văn Sinh; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
19. Anh Lò Văn P1; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
20. Anh Lò Văn H3; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
21. Anh Lò Văn C1; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
22. Anh Lường Văn T2; Nơi cư trú: Bản T, Xã B, Huyện Thuận Châu, Sơn La
23. Anh Lò Văn Q1; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
24. Anh Lò Văn X; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

25. Chị Lò Thị B1; Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
26. Anh Quàng Văn M1; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
27. Anh Đèo Văn C1; Nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
28. Anh Lò Thị M1; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
29. Anh Lò Văn C2; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
30. Anh Đèo Văn C2; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
31. Chị Cà Thị Q3; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
32. Chị Lương Thị H2; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
33. Anh Cà Văn L3; Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
34. Anh Lò Văn H3; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
35. Anh Quàng Văn C2; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
36. Chị Phạm Thị Thanh H; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
37. Anh Tòng Văn T2; Nơi cư trú: Bản B, Xã M, Huyện Thuận Châu, Sơn La
38. Anh Cà Văn B3; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
39. Anh Lò Văn L4; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
40. Anh Hà Đức Đ; Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
41. Anh Lò Văn T4; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
42. Anh Nguyễn Thị L; Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
43. Anh Quàng Văn Đ5; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
44. Chị Quàng Thị P1; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
45. Anh Lò Văn T5; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

46. Anh Lò Văn I; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
47. Anh Đèo Văn D1; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
48. Anh Đỗ Thị L; Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
49. Anh Lò Văn H6; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
50. Anh Quàng Văn H3; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
51. Anh Lò Văn P2; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
52. Chị Lò Thị D1; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
53. Anh Lò Văn M6; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
54. Anh Cà Văn D4; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
55. Anh Lò Văn Đ2; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
56. Anh Bạc Thị C1; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
57. Anh Cà Văn M3; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
58. Anh Cà Văn H7; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
59. Anh Lò Văn V1; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
60. Anh Lò Văn K; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
61. Anh Lò Văn S1; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
62. Anh Lò Văn X1; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
63. Anh Lò Văn D1; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
64. Chị Phạm Thị H; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
65. Anh Hoàng Hải V; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
66. Anh Sa Văn N1; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

67. Anh Lương Văn C3; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
68. Anh Đỗ Văn T; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
69. Anh Lê Văn S; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
70. Anh Lò Thị N2; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
71. Anh Lương Văn S4; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
72. Anh Cà Văn T3; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
73. Anh Lò Thị D4; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
74. Anh Lương Văn D3; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
75. Anh Lò Văn N4; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
76. Anh Lương Văn A1; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
77. Anh Lò Văn D6; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
78. Anh Lò Văn D7; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
79. Anh Lương Văn U; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
80. Anh Lò Văn D1; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
81. Anh Cà Văn D4; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
82. Anh Lò Văn C4; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
83. Anh Lương Văn D4; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
84. Anh Quàng Văn Đ4; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
85. Anh Lò Văn H7; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
86. Anh Cà Văn H5; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
87. Anh Cà Văn H6; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

88. Anh Lò Văn C7; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
89. Anh Lường Văn P3; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
90. Anh Cà Văn D3; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
91. Anh Lò Văn C6; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
92. Anh Cà Văn L3; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
93. Anh Lường Văn C4; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
94. Anh Phạm Văn C; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
95. Anh Lò Văn Dũng; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
96. Anh Bạc Cầm L; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
97. Anh Quàng Văn Q3; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
98. Anh Lò Mạnh L; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
99. Anh Lò Văn M6; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
100. Anh Bạc Cầm N; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
101. Anh Bạc Cầm T; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
102. Anh Quàng Văn B4; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
103. Công ty cổ phần B; Địa chỉ: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
104. Anh Quàng Văn T6; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
105. Anh Lò Văn D5; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
106. Anh Lường Văn B4; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
107. Anh Cà Văn B4; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
108. Anh Cà Văn X1; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

109. Anh Quàng Văn C4; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
110. Anh Lò Văn C7; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
111. Anh Lò Văn C8; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
112. Anh Lò Văn Đ5; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
113. Anh Cà Văn C6; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
114. Anh Cà Văn T5; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
115. Anh Cà Văn C7; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
116. Anh Cà Văn H3; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
117. Anh Cà Văn H4; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
118. Anh Lò Văn P5; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
119. Anh Quàng Văn T4; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
120. Anh Lò Văn K1; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
121. Anh Lường Văn C; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
122. Anh Bạc Cầm C; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
123. Anh Lường Văn B6; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
124. Anh Lường Văn T2; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
125. Công an xã B; Địa chỉ: Bản Phặng, xã B, huyện Thuận Châu, Sơn La.
126. Anh Lường Văn B6; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
127. Anh Lò Văn H8; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
128. Anh Lường Thị H3; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
129. Chị Hoàng Thị Thanh N; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

130. Anh Lò Văn P6; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
131. Anh Lò Văn P7; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
132. Chị Cà Thị N1; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
133. Anh Lò Văn H8; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
134. Anh Lò Văn D5; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
135. Anh Bạc Cầm M1; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
136. Anh Lường Văn A; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
137. Anh Quàng Văn T4; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
138. Anh Lò Văn H8; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
139. Anh Cà Văn H4; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
140. Anh Quàng Văn Q4; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
141. Anh Lò Văn Đ4; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
142. Anh Lò Văn T3; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
143. Anh Quàng Văn T8; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
144. Chị Lường Thị P2; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
145. Hoàng Thị C1; Nơi cư trú: Bản T B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
146. Anh Bùi Thị H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
147. Anh Cà Văn X; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
148. Chị Lò Thị A; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
149. Anh Hoàng Việt D; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
150. Anh Lò Thị H7; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

151. Anh Nguyễn Thành L; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
152. Anh Lò Thị Phương A; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
153. Anh Lường Văn K3; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
154. Tòng Văn C5; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
155. Anh Tòng Văn C6; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
156. Anh Đào Duy N; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
157. Anh Nguyễn Văn M; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
158. Anh Nguyễn Văn H; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
159. Chị Hà Thị T; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
160. Anh Nguyễn Thị H; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
161. Chị Phạm Thị T; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
162. Anh Đàm Văn P; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
163. Chị Đỗ Thị T; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
164. Anh Phạm Văn D; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
165. Anh Trần Kim T; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
166. Chị Ngô Thị H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
167. Anh Hà Văn C; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
168. Chị Đỗ Thị Q; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
169. Chị Lò Thị Đ3; Nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
170. Anh Trần Huy C; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
171. Anh Lê Xuân H; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

172. Anh Quàng Văn T4; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
173. Anh Lò Văn L5; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
174. Anh Cà Văn P4; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
175. Anh Lường Văn D5; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
176. Anh Lường Văn Q1; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
177. Anh Lò Văn N2; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
178. Anh Lò Văn D6; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
179. Anh Lường Văn P5; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
180. Anh Quàng Văn N6; Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
181. Anh Quàng Văn M3; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
182. Anh Lò Văn Q3; Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
183. Anh Lò Văn P4; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
184. Anh Lường Văn P8; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
185. Anh Quàng Văn T6; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
186. Anh Hà Văn C1; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
187. Anh Quàng Văn T5; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
188. Anh Lò Văn M8; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
189. Anh Bạc Cầm H; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
190. Anh Lò Văn K2; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
191. Anh Lò Văn M5; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
192. Anh Lù Văn T2; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

193. Anh Lò Văn P8; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
194. Anh Lò Văn T3; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
195. Anh Quàng Văn P8; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
196. Anh Lò Văn P7; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
197. Anh Lò Văn M2; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
198. Anh Lò Văn N4; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
199. Anh Lường Văn Đ6; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
200. Chị Phan Thị N; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
201. Anh Lò Văn L6; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
202. Anh Lò Văn Q5; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
203. Anh Lò Văn H9; Nơi cư trú: Bản Dẹ, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
204. Anh Lò Văn H8; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
205. Anh Quàng Văn T5; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
206. Anh Quàng Văn T6; Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
207. Chị Lò Thị L5; Nơi cư trú: Bản Dẹ, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
208. Anh Quàng Văn C6; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
209. Anh Lềm Văn H4; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
210. Anh Lò Văn H5; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
211. Anh Bùi Quang V; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
212. Chị Từ Kim A; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
213. Anh Quàng Văn T4; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

214. Anh Lò Văn T8; Nơi cư trú: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
215. Chị Nguyễn Thị Hải A; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
216. Anh Trương Văn P; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
217. Anh Quàng Văn C6; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
218. Anh Lò Văn T8; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
219. Anh Lò Văn K3; Nơi cư trú: Bản L, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
220. Anh Lường Văn D3; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
221. Anh Vũ Văn Q; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
222. Anh Lò Văn C8; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
223. Anh Lò Văn T6; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
224. Anh Quàng Văn S5; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
225. Anh Quàng Văn T6; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
226. Chị Lường Thị Đ7; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
227. Anh Quàng Văn T8; Nơi cư trú: Bản M A, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
228. Chị Lò Thị T8; Nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
229. Anh Lò Văn T7; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
230. Anh Lò Văn Q2; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
231. Anh Lò Văn A; Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
232. Anh Lường Văn T3; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
233. Anh Hà Mạnh H; Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
234. Anh Lò Văn H9; Nơi cư trú: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

235. Anh Nguyễn Hữu T; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

236. Chị Lò Thị C5; Nơi cư trú: Bản Khiêng, xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

237. Anh Lò Văn L8; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

238. Anh Bạc Cầm T; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

239. Anh Lò Văn T6; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

240. Chị Quàng Thị T3; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

241. Anh Lò Văn Q5; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

242. Anh Cà Văn C4; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

243. Anh Lò Văn T9; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

244. Anh Lường Văn D3; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

245. Anh Lò Văn K8; Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

246. Chị Bạc Thị T1; Nơi cư trú: Bản Nà Lạn, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

247. Đoàn Thị T; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

248. Anh Lò Văn M9; Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

249. Anh Mao Văn M; Nơi cư trú: Bản Cà Nàng, xã Nong Lay, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

*** Người làm chứng:** Bà Cà Thị Quỳnh M; Sinh năm: 1988 - Nhân viên kinh tế Phòng bán hàng V thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT S; Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phòng bán hàng V là đơn vị kinh doanh trực thuộc Trung tâm Kinh doanh VNPT S có chức năng kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin; kinh doanh các dịch vụ phát thanh, truyền hình, truyền thông đa phương tiện trên địa bàn huyện Thuận Châu và huyện Quỳnh Nhai - tỉnh Sơn La. Năm 2018, Phòng bán hàng V tuyển dụng Lò Thị Huyền D làm nhân viên giao dịch (*nhân viên hợp đồng*) tại cửa hàng giao dịch C (*trực thuộc phòng bán hàng*). Đến năm 2019, Phòng bán hàng phân công Lò Thị Huyền D làm nhân

viên kinh doanh. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 5 năm 2023 Lò Thị Huyền D được cửa hàng giao dịch C phân công kinh doanh trên địa bàn các xã T, T, C, B và M thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La có nhiệm vụ thu tiền, quản lý, nộp tiền cước viễn thông trả trước chu kỳ dài. Cụ thể Lò Thị Huyền D có trách nhiệm liên hệ, tư vấn dịch vụ viễn thông cho khách hàng, nếu khách hàng đồng ý đăng ký hoặc gia hạn gói cước viễn thông trả trước chu kỳ dài thì D lập phiếu thu tiền cước, kích hoạt gói cước trên hệ thống cho khách hàng, rồi nộp lại tiền cước đã thu của khách hàng vào hệ thống.

Từ tháng 4 năm 2022 lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn là nhân viên kinh doanh và để có tiền tiêu xài sử dụng vào mục đích cá nhân nên Lò Thị Huyền D bắt đầu thực hiện sai quy trình thu, quản lý, nộp cước viễn thông trả trước chu kỳ dài (*chu kỳ 06 tháng được tặng 01 tháng nên có 07 tháng sử dụng, chu kỳ 12 tháng được tặng 03 tháng nên có 15 tháng sử dụng*). Cụ thể sau khi tư vấn và khách hàng có đăng ký và nộp tiền cho D để đăng ký sử dụng chu kỳ dài thì D thu tiền cước trả trước chu kỳ dài của khách hàng nhưng không kích hoạt gói cước chu kỳ dài (*07 tháng hoặc 15 tháng sử dụng*) cho khách hàng mà chỉ nộp tiền về hệ thống cước trả sau hàng tháng (*chu kỳ ngắn hàng tháng*). Quá trình thu tiền, có khách hàng D lập phiếu thu tiền đúng mẫu quy định, nhưng nhiều trường hợp D sử dụng phiếu thu sai quy định (*do D tự in ra mà không đúng mẫu do Trung tâm phát hành*), đồng thời D che dấu, không nộp lại phiếu thu tiền cho Phòng bán hàng, không cho phòng bán hàng biết việc D vi phạm. Đến tháng 12 năm 2022 D mới nộp lại 02 quyển phiếu thu tiền cho bà Cà Thị Quỳnh M (*Là nhân viên kinh tế thực hiện nghiệp vụ kế toán của phòng bán hàng*) kiểm kê, đối chiếu với hệ thống VNPT thì phát hiện nhiều trường hợp D có vi phạm như trên. Bà Cà Thị Quỳnh M báo cáo sự việc cho ông Hà Trọng V- Giám đốc phòng bán hàng biết. Ông V chỉ đạo bà M thống kê chi tiết từng trường hợp D vi phạm rồi yêu cầu D giải trình. D đã thừa nhận hành vi vi phạm trên với ông V và bà Mai, đồng thời D giải trình đã sử dụng số tiền chênh lệch (*giữa thu cước trả trước và nộp cước trả sau*) để ứng trước cho khách hàng mới chưa có tiền nộp, khách hàng cũ nợ cước và cam đoan sẽ nộp lại đủ tiền cước thu của khách hàng. Đến ngày 14/01/2023 D không có khả năng nộp đủ tiền cước cho khách hàng nên viết cam đoan với phòng bán hàng là sẽ chấm dứt hành vi vi phạm và đề nghị được tiếp tục làm việc cho phòng bán hàng, đồng thời cam kết nộp lại đủ tiền cước đã thu bằng cách trả cước sau hàng tháng vào hệ thống và được phòng bán hàng đồng ý. Tuy nhiên, sau đó D không có tiền nên đã không thực hiện đúng cam kết với phòng bán hàng mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm là thu của khách hàng tiền cước trước chu kỳ dài nhưng chỉ nộp về tiền cước trả sau hàng tháng, số tiền chênh lệch được D sử dụng để nộp cước hàng tháng cho khách cũ nên phòng bán hàng không phát hiện việc D tiếp tục vi phạm. Đến tháng 3 năm 2023, D không còn tiền nên dừng nộp cước cho nhiều khách hàng thì bị bà M kiểm tra trên hệ thống phát hiện và báo cáo cho ông V biết. Nhận thấy D không thực hiện cam đoan mà còn tiếp diễn vi phạm, ông V cùng bà M trực tiếp đi xác minh nhiều khách hàng (không có văn bản xác minh) thì phát hiện nhiều trường hợp D vi phạm với phương thức, thủ đoạn như trên. Ông V chỉ đạo bà M lập biên bản đối chiếu công nợ, yêu cầu D khắc phục toàn bộ thiệt hại do vi

phạm của D gây ra. D nhận công nợ, cam đoan trả nợ và tiếp tục nộp cước cho khách hàng bằng hình thức trả sau hàng tháng đến hết tháng 5 năm 2023. Từ tháng 6 năm 2023, D không còn khả năng kinh tế nên ngừng nộp cước thu của khách hàng cho VNPT và thôi việc ở phòng bán hàng. Kể từ đó phòng bán hàng bắt đầu phát sinh thiệt hại do vẫn phải cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã nộp cước nhưng không thu cước trả sau của D. Ông V đã chỉ đạo bà M thống kê toàn bộ thiệt hại của VNPT từ tháng 6 năm 2023 để yêu cầu D khắc phục. Sau nhiều lần đôn đốc, yêu cầu D khắc phục thiệt hại cho phòng bán hàng mà không có kết quả, ông Hà Trọng V trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu.

Quá trình điều tra xác định được từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023 D lợi dụng là Nhân viên Kinh doanh của Phòng bán hàng V đã thu tiền cước trả trước chu kỳ dài (6 tháng, 01 năm) của 249 khách hàng trên các xã T, T, C, B và M thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với tổng tiền cước thu được là 490.386.600 đồng. Do nhiều lý do (thay đổi gói cước cho khách hàng, gói cước trả sau theo tháng tăng thêm phí thu tiền tại nhà 5.000đ/tháng so với gói cước nộp trước,...) nên mức cước D nộp lại cho VNPT có sự điều chỉnh so với mức cước D thu của khách hàng. D đã nộp cước trả sau hàng tháng đến hết tháng 5 năm 2023 cho 249 khách hàng với tổng số tiền là 243.583.216 đồng qua đó chiếm đoạt số tiền là 246.803.384 đồng, D đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. D khai báo ban đầu thực hiện hành vi vi phạm như trên không vì mục đích chiếm đoạt tiền mà chỉ muốn sử dụng số tiền chênh lệch (giữa tiền thu của khách hàng và tiền nộp về VNPT) để tạm ứng cho khách hàng mới chưa có tiền nộp và khách hàng cũ nợ cước, từ đó hoàn thành các chỉ tiêu với phòng bán hàng, hưởng thêm tiền thưởng doanh thu từ phòng bán hàng. Tuy nhiên, sau thời gian dài vi phạm, D không quản lý được việc thu, nộp tiền cước và sử dụng tiền cước thu của khách hàng để chi tiêu cá nhân dẫn đến không còn khả năng trả nợ (D không giải trình được chi tiết, cụ thể từng khoản tiền D sử dụng vào mục đích cá nhân). Cho đến nay D đã khắc phục hậu quả nộp lại 199.000.000 đồng, còn lại thiệt hại chưa khắc phục là 47.803.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã thu giữ các vật chứng sau:

- 67 phiếu thu, phiếu thu tiền của Lò Thị Huyền D lập khi thu tiền của khách hàng do khách hàng giao nộp.

- 05 quyển phiếu thu tiền của phòng bán hàng phát cho Lò Thị Huyền D để thu tiền cước của khách hàng, do phòng bán hàng giao nộp.

Ngày 12/8/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 1039/QĐ ngày 12/8/2024 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định 67 phiếu thu và phiếu thu tiền do khách hàng giao nộp cho Lò Thị Huyền D.

Tại Kết luận giám định số: 1643/ KL- KTHS ngày 26/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Toàn bộ các “Phiếu thu”, “phiếu thu tiền” do khách hàng giao nộp đều do Lò Thị Huyền D ký, viết ra. Mẫu

“phiếu thu” mà D tự in ra trên nền giấy A4 trắng không phải cùng một mẫu in với “phiếu thu tiền” do Trung tâm phát hành.

Quá trình điều tra xác định được Lò Thị Huyền D đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao là nhân viên kinh doanh của phòng bán hàng cố ý thực hiện sai quy trình thu, nộp, quản lý tiền cước viễn thông trả trước chu kỳ dài của phòng bán hàng để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý với số tiền là 246.803.384 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu Lò Thị Huyền D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã truy tố Lò Thị Huyền D về tội Tham ô tài sản theo quy định điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, Lò Thị Huyền D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội tham ô tài sản là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Thị Huyền D phạm tội: Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Thị Huyền D 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Lò Thị Huyền D đã bồi thường cho bị hại Phòng bán hàng V thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT S số tiền 199.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lò Thị Huyền D phải bồi thường cho bị hại Phòng bán hàng V thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT S số tiền 47.803.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Chấp nhận việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 249 khách hàng của Phòng bán hàng V trên địa bàn các xã T, T, C, B và M thuộc huyện

Thuận Châu, tỉnh Sơn La không có yêu cầu Lò Thị Huyền D bồi thường chi phí gì.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã trả lại 05 (Năm) quyền phiếu thu tiền của Phòng bán hàng phát cho Lò Thị Huyền D để thu tiền cược của khách hàng, do phòng bán hàng giao nộp.

Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị Huyền D.

Ý kiến của bị hại Phòng bán hàng V: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, bị cáo Lò Thị Huyền D đã bồi thường số tiền 199.000.000 đồng yêu cầu bị cáo Lò Thị Huyền D phải bồi thường tiếp số tiền bị cáo chiếm đoạt là 47.803.000 đồng và về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người làm chứng bà Cà Thị Quỳnh M: Tôi là nhân viên kinh tế thực hiện nghiệp vụ kế toán của Phòng bán hàng V. Đến tháng 12 năm 2022 D mới nộp lại 02 quyền phiếu thu tiền cho tôi, tôi kiểm kê, đối chiếu với hệ thống VNPT thì phát hiện nhiều trường hợp D có vi phạm như cáo trạng, luận tội đã nêu. Tôi đã báo cáo sự việc cho ông Hà Trọng V- Giám đốc phòng bán hàng biết. Ông V chỉ đạo tôi thống kê chi tiết từng trường hợp D vi phạm rồi yêu cầu D giải trình. D đã thừa nhận hành vi vi phạm với ông V và tôi, đồng thời D giải trình đã sử dụng số tiền chênh lệch (*giữa thu cược trả trước và nộp cược trả sau*) để ứng trước cho khách hàng mới chưa có tiền nộp, khách hàng cũ nợ cược và cam đoan sẽ nộp lại đủ tiền cược thu của khách hàng. Đến ngày 14/01/2023 D không có khả năng nộp đủ tiền cược cho khách hàng nên viết cam đoan với phòng bán hàng là sẽ chấm dứt hành vi vi phạm và đề nghị được tiếp tục làm việc cho phòng bán hàng, đồng thời cam kết nộp lại đủ tiền cược đã thu bằng cách trả cược sau hàng tháng vào hệ thống và được phòng bán hàng đồng ý. Tuy nhiên, sau đó D không có tiền nên đã không thực hiện đúng cam kết với phòng bán hàng mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm là thu của khách hàng tiền cược trước chu kỳ dài nhưng chỉ nộp về tiền cược trả sau hàng tháng, số tiền chênh lệch được D sử dụng để nộp cược hàng tháng cho khách cũ nên phòng bán hàng không phát hiện việc D tiếp tục vi phạm. Đến tháng 3 năm 2023, D không còn tiền nên dừng nộp cược cho nhiều khách hàng thì bị tôi kiểm tra trên hệ thống phát hiện và báo cáo cho ông V biết. Nhận thấy D không thực hiện cam đoan mà còn tiếp diễn vi phạm, ông V cùng tôi trực tiếp đi xác minh nhiều khách hàng thì phát hiện nhiều trường hợp D vi phạm với phương thức, thủ đoạn như cáo trạng, luận tội đã nêu. Ông V chỉ đạo tôi lập biên bản đối chiếu công nợ, yêu cầu D khắc phục toàn bộ thiệt hại do vi phạm của D gây ra. D nhận công nợ, cam đoan trả nợ và tiếp tục nộp cược cho khách hàng bằng hình thức trả sau hàng tháng đến hết tháng 5 năm 2023. Từ tháng 6 năm 2023, D không còn khả năng kinh tế nên ngừng nộp cược thu của khách hàng cho VNPT và thôi việc ở phòng bán

hàng. Kể từ đó phòng bán hàng bắt đầu phát sinh thiệt hại do vẫn phải cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã nộp cước nhưng không thu cước trả sau của D. Ông V đã chỉ đạo tôi thống kê toàn bộ thiệt hại của VNPT từ tháng 6 năm 2023 đề nghị D khắc phục. Sau nhiều lần đôn đốc, yêu cầu D khắc phục thiệt hại cho phòng bán hàng mà không có kết quả, ông Hà Trọng V trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu. Cho đến nay bị cáo Lò Thị Huyền D đã bồi thường số tiền 199.000.000 đồng yêu cầu bị cáo Lò Thị Huyền D phải bồi thường tiếp số tiền bị cáo chiếm đoạt là 47.803.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Lò Thị Huyền D: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng của bị cáo Lò Thị Huyền D thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình gây ra. Việc bị cáo tham ô tài sản là phạm pháp, bị cáo đã tích cực bồi thường số tiền 199.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền bị cáo chiếm đoạt là 47.803.000 đồng do bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn bản thân là phụ nữ đang nuôi con nhỏ, chồng không có công ăn việc làm do đó bị cáo chưa bồi thường được sau khi ra tù bị cáo sẽ lao động, sản xuất để bồi thường cho bị hại. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt chính là phạt tù cho bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt, xin miễn hình phạt bổ sung và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về sự vắng mặt của 249 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy tài liệu có trong hồ sơ đã có lời khai, các biên bản trong hoạt động điều tra tại cơ quan điều tra, đã được tổng đạt hợp lệ, niêm yết. Tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Thị Huyền D nhận thấy:

Từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023 lợi dụng chức vụ, quyền hạn là nhân viên kinh doanh có nhiệm vụ thu, quản lý, nộp tiền cước viễn thông của phòng bán hàng giao dịch C thuộc Phòng bán hàng V, Lò Thị Huyền D đã có hành vi thu cước trả sau chu kỳ dài (6 tháng, 1 năm) của 249 khách hàng trên địa bàn các xã T, T, C, B và M thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La mà bản thân có trách nhiệm quản lý sau đó không thực hiện kích hoạt gói cước chu kỳ dài (06 tháng hoặc 12 tháng sử dụng) cho khách hàng mà chỉ nộp tiền về hệ thống cước trả sau hàng tháng (chu kỳ ngắn hàng tháng) để chiếm đoạt số tiền

246.803.000 đồng của Phòng bán hàng V, mục đích chiếm đoạt là sử dụng vào chi tiêu cá nhân. Mục đích của bị cáo đã đạt được, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành cả ý thức chủ quan, khách quan lẫn kết quả của việc chiếm đoạt và đều được bị cáo thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra.

Như vậy, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc bị cáo Lò Thị Huyền D chiếm đoạt số tiền 246.803.000 đồng của Phòng bán hàng V và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan điều tra thu thập khách quan đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Lò Thị Huyền D đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tham ô tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do nhu cầu cá nhân, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, bất chấp pháp luật, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và ảnh hưởng xấu đến uy tín của Phòng bán hàng V, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã khắc phục, bồi thường thiệt hại 3/4 số tài sản chiếm đoạt cho bị hại cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là phụ nữ người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo Điều 353 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] bị cáo Lò Thị Huyền D đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, do bị cáo phải thi hành hình phạt chính là phạt tù cho nên Hội đồng xét xử tiếp tục ra Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo thi hành án.

[6] Đối với ông Hà Trọng V là Giám đốc Phòng bán hàng V có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thu cước, đôn đốc, kiểm soát các báo cáo thu cước của đơn vị từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, sau khi được bà Cà Thị Quỳnh M báo cáo một số trường hợp D vi phạm, ông V đã yêu cầu D giải trình, cam đoan trả cước cho khách hàng. Từ tháng 6 năm 2023 D thôi việc và không nộp cước, phòng bán hàng bắt đầu phát sinh thiệt hại, ông V đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu D nộp cước nhưng không có kết quả nên ông V chủ động tố giác tội hành vi vi phạm của Lò Thị Huyền D trước pháp luật. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Hà Trọng V về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Đối với chị Cà Thị Quỳnh M là nhân viên kinh tế có trách nhiệm đôn đốc, quản trị công tác thu cước. Đến tháng 12 năm 2022 khi D giao nộp phiếu thu tiền, bà M kiểm tra, phát hiện D vi phạm nên đã báo cáo ông Hà Trọng V - Giám đốc để yêu cầu D khắc phục, cam đoan không tái phạm. Đến tháng 3 năm 2023 khi phát hiện thêm nhiều trường hợp khách hàng của D nợ cước trên hệ thống, bà M đã báo cáo ông Hà Trọng V, sau đó tổng hợp cung cấp số liệu để trình báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu về hành vi vi phạm của D. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Cà Thị Quỳnh về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Đối với hành vi của Lò Thị Huyền D chiếm đoạt cước viễn thông của 249 khách hàng của Phòng bán hàng V trên địa bàn các xã T, T, C, B và M thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với tổng số tiền 246.803.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được số tiền chiếm đoạt của từng khách hàng đều dưới 2.000.000 đồng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lò Thị Huyền D về tội Tham ô tài sản thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Đối với hành vi của Lò Thị Huyền D thực hiện việc thu tiền của khách hàng không phải bằng “phiếu thu tiền” do Trung tâm phát hành mà bằng giấy trên nền giấy A4 trắng do Huyền tự in ra. Quá trình điều tra xác định được D không làm giả phiếu thu tiền do Trung tâm phát hành và D cũng không sử dụng phiếu tự in ra để thực hiện hành vi trái pháp luật nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lò Thị Huyền D về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng: Đối với 05 quyển phiếu thu tiền của Phòng bán hàng phát cho Lò Thị Huyền D để thu tiền cước của khách hàng, do phòng bán hàng giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thuận Châu đã trả lại cho phòng bán hàng để phục vụ công tác quản lý chứng từ kế toán của phòng bán hàng xét thấy là đúng theo quy định pháp luật cần chấp nhận vận dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 67 phiếu thu tiền của Lò Thị Huyền D lập khi thu tiền của khách hàng, do khách hàng giao nộp. Quá trình điều tra xác định được đây là công cụ phương tiện Lò Thị Huyền D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Sau khi bị cáo Lò Thị Huyền D chiếm đoạt số tiền 246.803.000 đồng bị hại là Phòng bán hàng Vdo ông Hà Trọng Vlàm Giám đốc - Là người đại diện có yêu cầu Lò Thị Huyền D phải hoàn trả lại tổng số tiền D đã chiếm đoạt, hiện Lò Thị Huyền D đã bồi thường được 199.000.000 đồng, số tiền còn lại 47.803.000 đồng bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 249 khách hàng của Phòng bán hàng Vtrên địa bàn các xã T, T, C, B và M thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không có yêu cầu Lò Thị Huyền D bồi thường chi phí gì cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Thị Huyền D phạm tội: Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Thị Huyền D 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Lò Thị Huyền D đã bồi thường cho bị hại Phòng bán hàng Vsố tiền 199.000.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu đồng).

Buộc bị cáo Lò Thị Huyền D phải bồi thường tiếp cho bị hại Phòng bán hàng Vsố tiền 47.803.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Chấp nhận việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 249 khách hàng của Phòng bán hàng V trên địa bàn các xã T, T, C, B và M thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không có yêu cầu Lò Thị Huyền D bồi thường chi phí gì.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu đã trả lại cho Phòng bán hàng V: 05 (Năm) quyển phiếu thu tiền của Phòng bán hàng phát cho Lò Thị Huyền D để thu tiền cược của khách hàng.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị Huyền D.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (249 khách hàng) được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải